TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2023/DS-ST Ngày 17-7-2023 V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Vượng**.

2. Ông **Ma Quốc Thể**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Hữu Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hoàng Văn K** – Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố Cơ Quan, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Vi Văn Đ** - Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Hoàng Văn K trình bày:

Ngày 14/9/2019, ông Hoàng Văn K cho ông Vi Văn Đ vay số tiền 116.690.000đ (Một trăm mười sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Khi cho vay tiền, các bên có lập Hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 14/9/2019, ông Hoàng Văn K ký, ghi rõ họ tên vào mục "**ĐẠI DIỆN BÊN A** (bên cho vay tiền)", ông Vi Văn Đ ký, ghi rõ họ tên vào mục "**ĐẠI DIỆN BÊN B** (bên vay tiền)". Về thời

hạn thanh toán (thời hạn vay): 01 tháng (kể từ ngày 14/9/2019). Về lãi xuất: Các bên không thỏa thuận về lãi suất. Đến hết thời hạn vay (hết ngày 14/10/2019), ông Đ không thanh toán khoản tiền vay cho ông K. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông K khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu ông Vi Văn Đ phải thanh toán cho ông Hoàng Văn K số tiền gốc đã vay là 116.690.000đ và số tiền lãi phát sinh kể từ tháng 9/2019 đến thời điểm xét xử (tháng 7/2023) theo lãi suất pháp luật quy định. Đề nghị buộc ông Đ phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với Vi Văn Đ nhiều lần nhưng ông Đ không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Qua xác minh cho thấy: Ông Vi Văn Đ có ĐKHKTT tại thôn K, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay, ông Đ đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương. Thỉnh thoảng, ông Đ có về thăm nhà, sau đó lại đi ngay. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành mở phiên hòa giải được vì ông Đ vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Bị đơn không chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" của ông Hoàng Văn K đối với ông Vi Văn Đ.

2. Về quan hệ tranh chấp: Xử buộc ông Vi Văn Đ phải thanh toán cho ông Hoàng Văn K số tiền 161.242.242đ (*Một trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng*) (Trong đó: Số tiền gốc là: 116.690.000đ; Số tiền lãi phát sinh từ tháng 9/2019 đến tháng 7/2023 (46 tháng) theo lãi suất 10%/năm (tương ứng với lãi suất 0,83%/tháng) là 44.552.242đ) .

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chi phí tố tụng (Chi phí trưng cầu giám định).

- Ông Hoàng Văn K không phải chịu chi phí tố tụng.

- Ông Vi Văn Đ phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền là 3.360.000đ (*Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*). Cụ thể như sau: Ông Vi Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn K số tiền chi phí trưng cầu giám định là 3.360.000đ (*Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) (Số tiền này ông Hoàng Văn K đã nộp tạm ứng trước).

4. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn K cho ông Vi Văn Đ vay số tiền 116.690.000đ theo Hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 14/9/2019 (thời hạn vay là 01 tháng, kể từ ngày 14/9/2019). Đến thời hạn thanh toán tiền theo thỏa thuận, ông Đ không thanh toán số tiền vay cho ông K. Ông K khởi kiện yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền gốc đã vay và tiền lãi phát sinh. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về dân sự quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Vi Văn Đ có ĐKHKTT tại xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp.

[2.1] Tính hợp pháp của Giấy vay tiền và Giấy biên nhận.

Đối với Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/9/2019 thể hiện: Ông Vi Văn Đ vay của ông Hoàng Văn K số tiền là 116.690.000đ (Một trăm mười sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng. Về thời hạn thanh toán (thời hạn vay): 01 tháng (kể từ ngày 14/9/2019). Về lãi suất: Các bên không thỏa thuận về lãi suất. Ngoài Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/9/2019, ông K và ông Đ có lập 01 Giấy nhận tiền (*Về việc:* Vay tiền anh Hoàng Văn K) ghi ngày 13/9/2019 có nội dung: Ông Vi Văn Đ nhận của ông Hoàng Văn K số tiền 116.690.000đ; Lý do: Vay làm nhà. Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Văn K thừa nhận: Số tiền 116.690.000đ, ông K cho ông Đ vay theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/9/2019 và số tiền 116.690.000đ ông Đ nhận của ông K theo Giấy nhận tiền (*Về việc:* Vay tiền anh Hoàng Văn K) ghi ngày 13/9/2019 là cùng một khoản tiền. Sau các bên lập Hợp đồng cho vay tiền và giao tiền cho nhau, ông Đ và ông K có lập thêm Giấy nhận tiền (Thực tế lập ngày 14/9/2019 nhưng do ông Đ viết nhầm là ngày 13/9/2019). HĐXX xét thấy, nội dung, số tiền vay của Hợp đồng cho vay tiền và Giấy nhận tiền là cùng một khoản vay. Nội dung này đã được ông K thừa nhận và phù hợp với diễn biến giao dịch vay tiền, giao tiền giữa các bên. Do vậy, HĐXX xác định, số tiền 116.690.000đ, ông K cho ông Đ vay theo Hợp đồng cho vay tiền

ngày 14/9/2019 và số tiền 116.690.000đ ông Đ nhận của ông K theo Giấy nhận tiền (*Về việc:* Vay tiền anh Hoàng Văn K) ghi ngày 13/9/2019 là cùng một khoản vay và xác định khoản vay theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/9/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/9/2019 và được ông Hoàng Văn K và ông Vi Văn Đ ký kết với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự.

Tại Kết luận giám định số: 615/KL-KTHS ngày 09/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

"Chữ ký, chữ viết ghi tên Vi Văn Đ dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; dưới mục "Người nhận tiền" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết đứng tên Vi Văn Đ dưới mục "NGƯỜI KHAI KÝ TÊN" trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết."

Do đó, Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/9/2019 hợp pháp, có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình tại Hợp đồng đã ký kết.

[2.2] Yêu cầu của nguyên đơn đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

[2.2.1] Về số tiền nợ gốc.

Sau khi ký kết Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/9/2019 và Giấy nhận tiền (*Về việc:* Vay tiền anh Hoàng Văn K) ghi ngày 13/9/2019, ông Hoàng Văn K và ông Vi Văn Đ đã thực hiện việc giao tiền cho nhau theo thỏa thuận. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền theo thỏa thuận, ông Vi Văn Đ không thực hiện trả tiền cho ông Hoàng Văn K. Mặc dù, ông Hoàng Văn K đã nhiều lần đến tìm, thông báo, đôn đốc, yêu cầu ông Vi Văn Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nhưng ông Đ không trả nợ cho ông K. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, ông K đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông Đ phải thanh toán số tiền 116.690.000đ đã vay và tiền lãi phát sinh cho ông K là có căn cứ.

Từ những nội dung phân tích nên trên và tại mục **[2.1]** phần "**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**" tại bản án này, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ông Vi Văn Đ - Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang có vay của ông Hoàng Văn K – Sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố Cơ Quan, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang số tiền 116.690.000đ (Một trăm mười sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Từ khi ông Hoàng Văn K cho ông Vi Văn Đ vay tiền đến nay, ông Đ chưa thanh toán cho ông K được số tiền gốc nào. Do vậy, xác định số tiền nợ gốc đến thời điểm hiện tại là 116.690.000đ (Một trăm mười sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

[2.2.2] Về lãi suất.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/10/2022, ông Hoàng Văn K đã làm Đơn khởi kiện ông Vi Văn Đ tại Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Đơn khởi kiện của ông K đã được Tòa án chuyển sang giải quyết theo thủ tục hòa

giải, đối thoại tại Tòa án. Quá trình hòa giải, hòa giải viên nhiều lần triệu tập ông Đ lên làm việc. Tuy nhiên, ông Đ đã vắng mặt nhiều lần. Đến ngày 03/11/2022, ông K có đề nghị chấm dứt hòa giải theo thủ tục hòa giải, đối thoại tại Tòa án và rút đơn để khởi kiện vụ án theo thủ tục tố tụng. HĐXX xét thấy, đến ngày 03/10/2022, ông K đã khởi kiện ông Đ tại Tòa án (thời điểm này vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện). Sau đó, ông K đã rút đơn và làm lại đơn khởi kiện để khởi kiện theo thủ tục tố tụng. Do vậy, đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án này, HĐXX xác định vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

Theo Hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 14/9/2019 thể hiện: Các bên thỏa thuận tính tính lãi suất theo lãi suất của ngân hàng công bố tại thời điểm vay, phương thức trả lãi theo hàng tháng. Từ thời điểm các bên cho nhau vay tiền đến nay, giữa các bên cũng không có thỏa thuận gì khác. Tại thời điểm cho vay tiền, Do các bên không thỏa thuận đầy đủ về việc xác định lãi suất nên ông K đề nghị tính lãi suất khoản tiền vay từ tháng 9/2019 đến thời điểm xét xử vụ án, với lãi suất theo trường hợp vay tiền không thỏa thuận về lãi suất là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi các bên cho nhau vay tiền không thỏa thuận đầy đủ về lãi suất, nguyên đơn có đề nghị xác định lãi suất theo trường hợp vay tiền không thỏa thuận về lãi suất là có căn cứ và thời hiện khởi kiện của vụ án vẫn còn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*". Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về phần lãi suất, xác định tính lãi suất khoản tiền ông Đ đã vay của ông K theo quy định tại khoản 2 Điều 468 với mức lãi suất là 10%/năm (tương ứng với 0,83%/tháng) là phù hợp, có căn cứ.

Số tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm ông Đ vay tiền của ông K đến thời điểm xét xử là: 46 tháng x 116.690.000đ x 0,83%/tháng = 44.552.242đ (Bốn mươi bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng).

Từ những phân tích và nhận định nêu trên.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến thời điểm hiện tại là 161.242.242đ. HĐXX xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn K buộc ông Vi Văn Đ phải trả số tiền gốc và lãi phát sinh đến thời điểm hiện tại cho ông Hoàng Văn K là 161.242.242đ (*Một trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng*) và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là hoàn toàn hợp lý, có cơ sở theo các quy định tại Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn K.

[3] Về chi phí tố tụng.

Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành trưng cầu giám định. Chi phí trưng cầu giám định là 3.360.000đ (*Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn K được chấp nhận nên ông Vi Văn Đ phải chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định. Ông Hoàng Văn K đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng nên buộc ông Vi Văn Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn K số tiền chi phí tố tụng là 3.360.000đ.

Theo quy định tại Điều 161 và Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí.

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn K được chấp nhận, do vậy:

- Ông Hoàng Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Hoàng Văn K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp là 3.997.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002423 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Vi Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.062.112đ.

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" của ông Hoàng Văn K đối với ông Vi Văn Đ.

2. Về quan hệ tranh chấp: Buộc ông Vi Văn Đ phải thanh toán cho ông Hoàng Văn K số tiền **161.242.242đ** (*Một trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng*). Trong đó: Số tiền gốc là: **116.690.000đ** (*Một trăm mười sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*); Số

tiền lãi phát sinh là **44.552.242đ** (*Bốn mươi bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng*) .

Người nhận tiền là ông Hoàng Văn K - Sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố Cơ Quan, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chi phí tố tụng (Chi phí trưng cầu giám định):

- Ông Hoàng Văn K không phải chịu chi phí tố tụng.

- Ông Vi Văn Đ phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền là **3.360.000đ** (*Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*). Cụ thể như sau: Ông Vi Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn K số tiền chi phí trưng cầu giám định là **3.360.000đ** (*Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) (Số tiền này ông Hoàng Văn K đã nộp tạm ứng trước).

4. Về án phí:

- Ông Hoàng Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Hoàng Văn K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp là **3.997.000đ** (*Ba triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002423 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Vi Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **8.062.112đ** (*Tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn một trăm mươi hai đồng*).

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn K; Bị đơn ông Vi Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA